

Số: *10* /2015/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày *31* tháng 3 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

V/v quy định hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang; hạn mức giao đất ở; hạn mức công nhận đất ở đối với các trường hợp thửa đất có vườn, ao; hạn mức giao đất thuộc nhóm đất chưa sử dụng để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; hạn mức đất mai táng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 77/TTr-TNMT ngày 18/3/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Quyết định này quy định hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang; hạn mức giao đất ở; hạn mức công nhận đất ở đối với các trường hợp thửa đất có vườn, ao; hạn mức giao đất thuộc nhóm đất chưa sử dụng để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; hạn mức đất mai táng trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện quản lý nhà nước về đất đai và các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan.

2. Hộ gia đình, cá nhân, người sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 3. Hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho mỗi hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang mà đất đó phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền duyệt, không có tranh chấp theo quy định tại Khoản 4, Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ như sau:

1. Đối với đất trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản không quá 01 ha (*một héc ta*) cho mỗi loại đất.

2. Đối với đất trồng cây lâu năm, trồng rừng không quá 05 ha (năm héc ta) cho mỗi loại đất.

Nếu vượt hạn mức nêu trên thì diện tích vượt hạn mức phải chuyển sang thuê đất theo quy định.

Điều 4. Hạn mức giao đất ở cho mỗi hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại Điều 143, Điều 144 Luật Đất đai năm 2013 như sau:

1. Đối với khu vực nông thôn không quá 400m^2 (bốn trăm mét vuông);

2. Đối với khu vực đô thị:

a. Các phường trên địa bàn thành phố Kon Tum không quá 200m^2 (hai trăm mét vuông).

b. Các thị trấn không quá 250m^2 (hai trăm năm mươi mét vuông).

Điều 5. Hạn mức công nhận đất ở cho mỗi hộ gia đình đối với trường hợp thừa đất ở có vườn, ao được hình thành từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 01/7/2004 và người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 mà trong giấy tờ đó không ghi rõ diện tích đất ở, theo quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 103 của Luật Đất đai năm 2013 như sau:

1. Đối với khu vực nông thôn không quá 400m^2 (bốn trăm mét vuông);

2. Đối với khu vực đô thị:

a. Các phường trên địa bàn thành phố Kon Tum không quá 200m^2 (hai trăm mét vuông).

b. Các thị trấn không quá 250m^2 (hai trăm năm mươi mét vuông).

Điều 6. Hạn mức giao đất trống, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho mỗi hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại Khoản 5, Điều 129 của Luật Đất đai năm 2013 như sau:

1. Đối với đất trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản không quá 01 ha (một héc ta) cho mỗi loại đất.

2. Đối với đất trồng cây lâu năm không quá 05 ha (năm héc ta).

3. Đối với đất trồng rừng không quá 10 ha (mười héc ta)

4. Hạn mức giao đất tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều này không tính vào hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 129 Luật Đất đai năm 2013.

Điều 7. Hạn mức đất để mai táng không quá $06\text{m}^2/\text{mộ}$; Đất cải táng không quá $03\text{m}^2/\text{mộ}$.

Điều 8. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Tư pháp; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và hộ gia đình cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 43/2005/QĐ-UBND ngày 24/8/2005 của UBND tỉnh về việc quy định hạn mức đất xây dựng nhà ở và đất để mai táng trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy,
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- Lãnh đạo Văn Phòng UBND tỉnh;
- Báo Kon Tum;
- Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, KTN4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Hải